

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

NGUYỄN QUỐC TUÂN

PHÁT TRIỂN CÂY CHÈ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

Chuyên ngành : Kinh tế Phát triển
Mã số : 60.31.05

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng - Năm 2013

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: TS. NGUYỄN HIỆP

Phản biện 1: TS. Ninh Thị Thu Thủy

Phản biện 2: PGS.TS. Đỗ Văn Viện

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 02 tháng 03 năm 2013

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin-Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Chè là cây công nghiệp dài ngày có nguồn gốc ở vùng nhiệt đới và á nhiệt đới, là cây trồng xuất hiện từ lâu đời, được trồng khá phổ biến trên thế giới. Trên thế giới, cây chè phân bố từ 33⁰ vĩ Nam đến 49⁰ vĩ Bắc và tập trung chủ yếu ở khu vực từ 20⁰ vĩ Nam đến 16⁰ vĩ Bắc. Đặc biệt là một số quốc gia khu vực châu Á như Trung Quốc, Nhật Bản, Việt Nam...Nước chè là thức uống tốt, có tác dụng giải khát, chống lạnh, có tác dụng bảo vệ sức khỏe con người khắc phục sự mệt mỏi của cơ thể, kích thích hoạt động của hệ thần kinh, hệ tiêu hóa, chữa bệnh đường ruột, lợi tiểu, kích thích tiêu hóa mỡ, chống béo phì, chống được sâu răng và hôi miệng. Gần đây các hội nghị quốc tế về chè và sức khỏe con người tại Calcuta (Ấn Độ- 1993) Thượng Hải (1995), Bắc Kinh (2005), Shizuoka (Nhật bản-2006), Paris (2009), Kenya (2010)... đã thông báo tác dụng của trà xanh về điều hòa chức năng sinh lý của con người, chức năng phòng ngừa ung thư bằng cách củng cố hệ miễn dịch, phòng ngừa bệnh huyết áp cao và bệnh tiểu đường, ngăn ngừa cholesterol tăng cao, chống lão hóa do tác dụng chống ôxi hóa. Đặc biệt chất Tanin trong chè có khả năng hút chất phóng xạ, do đó nó còn chống được một số bệnh do các chất phóng xạ gây ra. Chính vì các đặc tính ưu việt trên, chè đã trở thành sản phẩm đồ uống phổ thông trên toàn thế giới. Hiện nay đã có trên 58 nước trên thế giới sản xuất chè, trong khi có trên 200 nước tiêu thụ chè. Đây chính là một lợi thế tạo điều kiện cho việc sản xuất chè ngày càng phát triển.

Cây chè ở Việt Nam cho năng suất, sản lượng tương đối ổn định và có giá trị kinh tế, tạo nhiều việc làm cũng như thu nhập cho người lao động, đặc biệt trở thành cây xóa đói giảm nghèo.

Tỉnh Gia Lai là một trong năm tỉnh miền núi Tây nguyên, được thiên nhiên ưu đãi một hệ thống đất đai và điều kiện khí hậu thời tiết khá thích hợp cho việc phát triển cây chè. Cây chè được trồng ở Gia Lai từ rất sớm, đã giải quyết việc làm ổn định cho hàng ngàn lao động, góp phần quan trọng trong việc xoá đói giảm nghèo, đồng thời đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế của địa phương. Cây chè và một số cây công nghiệp khác đã trở thành một trong những cây trồng mũi nhọn góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cải thiện đời sống nhân dân. Trong nhiều năm qua, ngành chè của tỉnh Gia Lai đã có bước phát triển, song kết quả còn chưa cao so với tiềm năng và còn nhiều vấn đề cần phải xem xét, giải quyết.

Vậy, thực trạng phát triển cây chè của Tỉnh Gia Lai như thế nào? Có những yếu tố, nguyên nhân chủ yếu nào ảnh hưởng? Cần có những định hướng và các giải pháp chủ yếu nào để cây chè của tỉnh Gia Lai phát triển nhanh, bền vững và đạt hiệu quả kinh tế cao.

Xuất phát từ yêu cầu đó, việc lựa chọn thực hiện đề tài: ***“Phát triển cây chè trên địa bàn tỉnh Gia Lai”*** sẽ góp phần thiết thực triển khai chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn của Đảng và Nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài

2.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu bao trùm của đề tài là khái quát được lý luận về phát triển cây chè làm cơ sở cho nghiên cứu, đánh giá thực trạng phát triển cây chè trên địa bàn tỉnh Gia Lai, và từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển cây chè tại Gia Lai, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn của tỉnh.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Hệ thống hoá các vấn đề lý luận và thực tiễn về phát triển cây chè của một địa phương.

- Đánh giá được thực trạng phát triển cây chè trên địa bàn tỉnh Gia Lai từ năm 2007 - 2011

- Đề xuất các giải pháp khả thi chủ yếu nhằm phát triển cây chè trên địa bàn tỉnh Gia Lai trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1- Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là các vấn đề về phát triển cây chè trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

3.2- Phạm vi nghiên cứu

- Nghiên cứu về thực trạng phát triển chè trên địa bàn tỉnh Gia Lai từ năm 2007-2011

- Đề xuất các giải pháp và một số khuyến nghị chủ yếu nhằm phát triển cây chè trên địa bàn tỉnh Gia Lai trong trung và dài hạn.

4. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng các phương pháp phân tích tổng hợp; phương pháp phân tích thống kê có hệ thống; phương pháp so sánh, đánh giá, luận văn đã sử dụng các số liệu thống kê, báo cáo chính thức, các chiến lược, quy hoạch, đề án, tài liệu nghiên cứu thực tiễn... có liên quan của một số cơ quan, ban ngành Trung ương và địa phương trong giai đoạn từ năm 2007-2011.

5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

Đề tài có những đóng góp về mặt lý luận khi hệ thống hóa và làm rõ được những vấn đề lý luận về phát triển cây chè bao gồm khái niệm, nội dung, tiêu chí đánh giá, các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển cây chè.

Thông qua phân tích thực trạng phát triển cây chè của tỉnh Gia Lai và các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển cây chè trong các năm qua, làm sáng tỏ các vấn đề về KT-XH đến việc phát triển cây chè, luận văn là tài liệu giúp một số ban ngành của tỉnh các doanh nghiệp, người lao động trên địa bàn tỉnh Gia Lai tham gia phát triển cây chè đạt hiệu quả cao, có cơ sở khoa học.

6. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận văn được kết cấu thành 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về phát triển cây chè

Chương 2: Thực trạng phát triển cây chè trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Chương 3 : Giải pháp phát triển cây chè trên địa bàn tỉnh Gia Lai

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN CÂY CHÈ

1.1. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ CÂY CHÈ

1.1.1. Cây chè và nguồn gốc cây chè Việt Nam

Chè là loại cây công nghiệp dài ngày, trồng 1 lần cho thu hoạch nhiều năm, từ 30 đến 50 năm. Từ chè búp tươi, tùy theo công nghệ và cách chế biến sẽ tạo ra các loại sản phẩm chè khác nhau: Chè xanh, chè đen, chè vàng, chè túi lọc v.v.

Năm 1933, ông J.J B Denss, một chuyên gia về chè của Hà Lan, nguyên giám đốc viện nghiên cứu chè Buitenzorg ở Java (Indônêxia), cố vấn của Công ty chè Đông Dương thời Pháp sau khi đi khảo sát các cây chè cổ ở huyện Vị Xuyên tỉnh Hà Giang - Việt Nam đã viết về nguồn gốc cây chè trên thế giới. Trong bài viết này ông cho rằng nguồn gốc của cây chè là từ các dãy núi cạnh những

con sông lớn, nhất là sông Dương Tử, sông Tsikiang ở Trung Quốc, sông Hồng ở Việt Nam, phân tán đi.

Năm 1976, viện sỹ hàn lâm khoa học Liên Xô K.M. Demukhatze nghiên cứu sự tiến hoá của cây chè. Tác giả đã đề xuất sơ đồ tiến hoá của cây chè như sau: Cây hoa trà - chè Việt Nam - chè Vân Nam - chè Trung Quốc - chè Assam Ấn Độ.

Các vùng chè Lạng Sơn, Hà Giang và đặc biệt là khu vực chè hoang vớ hơn 41 vạn cây chè huyết cổ thụ ở Suối Giàng (huyện Nghĩa Lộ – Yên Bái) trên độ cao hơn 1300m so với mực nước biển là những bằng chứng quan trọng cho giả thiết trên.

1.1.2. Vai trò của cây chè trong đời sống con người

Nước chè là thức uống tốt, có tác dụng giải khát, chống lạnh, khắc phục sự mệt mỏi của cơ thể, kích thích hoạt động của hệ thần kinh, hệ tiêu hoá và chữa được một số bệnh đường ruột, giảm được bệnh béo phì, chống lão hóa, chống một số bệnh ung thư và chất phóng xạ. Chè có nhiều vitamin có giá trị dinh dưỡng và bảo vệ sức khoẻ....Do đó chè đã trở thành sản phẩm đồ uống phổ thông trên toàn thế giới.

Chè là loại cây có tác dụng phủ xanh đất trống, đồi trọc, bảo vệ đất, bảo vệ môi trường sinh thái, tạo công ăn việc làm, góp phần phát triển nông nghiệp nông thôn.

Nước ta có điều kiện khí hậu, đất đai phù hợp với sự sinh trưởng và phát triển của cây chè, nhân dân ta lại có kinh nghiệm và tập quán trồng chè lâu đời, nguồn lao động dồi dào, khéo léo trong các khâu thu hoạch, chế biến chè, có các cơ sở nghiên cứu lâu năm về chè. Do đó tiềm năng khai thác và phát triển chè trong những năm tiếp theo là rất lớn và khả thi.

1.1.3. Ý nghĩa việc phát triển ngành chè đối với địa phương

Phát triển ngành chè đối với địa phương có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế xã hội của địa phương, góp phần phát triển đất nước.

Phát triển cây chè góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, nâng cao trình độ sản xuất, trình độ tay nghề cho người lao động, tạo công ăn việc làm và thu nhập cho người lao động, đặc biệt là cho đồng bào dân tộc ít người. Phát triển ngành chè còn góp phần chống ô nhiễm môi trường, cải tạo môi sinh.

1.2 NỘI DUNG VÀ TIÊU CHÍ PHÁT TRIỂN CÂY CHÈ

1.2.1. Nội dung của phát triển cây chè

a. Gia tăng số lượng các cơ sở trồng trọt, chế biến và kinh doanh chè của địa phương

- Kinh tế nông hộ là hình thức tổ chức phù hợp với quy mô nhỏ về đất đai, vốn và sử dụng lao động trong gia đình. Hình thức này gắn người nông dân với đất đai và phát huy được tính tự chủ của họ. Khi phát triển tự túc chuyển thành sản xuất hàng hóa và phát triển cao hơn nữa thì mô hình kinh tế nông hộ sẽ bộc lộ nhiều khuyết điểm đó là năng suất lao động thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu của những đơn hàng lớn, hiệu quả kinh tế không cao...từ đó kinh tế trang trại, hợp tác xã, doanh nghiệp nông nghiệp ra đời để đáp ứng với yêu cầu phát triển.

- Trang trại là hình thức sản xuất tiên tiến hơn, nó đáp ứng được đòi hỏi của quá trình sản xuất. Nhờ vào quy mô lớn hơn về đất đai, vốn và lao động mà kinh tế trang trại đã khắc phục được các nhược điểm của kinh tế nông hộ. Kinh tế trang trại nâng cao được kết quả sản xuất ra nhiều hàng hóa, nâng cao khả năng cạnh tranh, đáp ứng được các đơn hàng lớn và có điều kiện áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật cả công nghệ trong trồng trọt, chế biến và kinh doanh.

- Hợp tác xã theo kiểu cũ trong cơ chế thị trường hiện nay không còn đóng vai trò chủ yếu trong sản xuất nông nghiệp như trước đây, vì sở hữu tư liệu sản xuất và sản phẩm làm ra đều thuộc các nông hộ. Vì vậy, hợp tác xã đã đổi mới và hoạt động trong các lĩnh vực khác như là dịch vụ đầu vào của sản xuất và đầu ra của tiêu thụ nông sản. Hợp tác xã chỉ phù hợp với mô hình làm đầu mối cung ứng đầu vào về vật tư, dịch vụ kỹ thuật, bảo hiểm và tín dụng... Số lượng HTX tăng lên là tất yếu mới phù hợp với tình hình sản xuất và yêu cầu của thị trường.

- Doanh nghiệp nông nghiệp được thành lập theo luật doanh nghiệp và hoạt động trên cơ sở liên kết từ khâu sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Doanh nghiệp có thể thuê lao động nông nghiệp để giao khoán đất, cung cấp giống và kỹ thuật canh tác đến hộ nông dân và thu mua sản phẩm theo giá thỏa thuận. Số lượng doanh nghiệp nông nghiệp tăng lên và mở rộng thị trường hoạt động, sản xuất kinh doanh trong các ngành hàng lớn có giá trị kinh tế, tham gia xuất khẩu hàng hóa và có thương hiệu...

b. Phát triển quy mô và cải thiện cơ cấu diện tích trồng chè của địa phương

Khi quy mô về diện tích tăng lên thì tạo ra số lượng hàng hóa và giá trị sản lượng sản phẩm hàng tăng lên.

Cơ cấu diện tích hợp lý thể hiện khả năng tận dụng tốt các nguồn lực hiện có, tái sản xuất mở rộng, giảm tỷ trọng diện tích cây lương thực, tăng diện tích cây công nghiệp trong đó có cây chè.

c. Phát triển quy mô và cải thiện cơ cấu vốn đầu tư và lao động trong trồng trọt, chế biến và kinh doanh chè của địa phương

**** Vốn cho cây chè***

Vốn được biểu hiện bằng tiền của tư liệu lao động và đối

tượng lao động được sử dụng trong quá trình sản xuất chè. Nhu cầu vốn trong trồng trọt, chế biến kinh doanh chè mang tính thời vụ cao và đầu ra sản phẩm mang tính rủi ro, có thể không còn vốn cho sản xuất khi bị thiên tai, dịch bệnh... xảy ra. Nên các biện pháp tạo vốn và nâng cao sử dụng vốn có hiệu quả sẽ rất có ý nghĩa, góp phần thúc đẩy cây chè phát triển

Khả năng huy động vốn để đầu tư cho cây chè: Yếu tố này làm tăng năng lực sản xuất và quy mô sản xuất của vùng chè.

-Vốn đầu tư trong nước: Nguồn vốn ngân sách nhà nước, nguồn vốn đầu tư từ doanh nghiệp nhà nước, nguồn vốn từ khu vực tư nhân

-Nguồn vốn nước ngoài: hợp tác kinh doanh, doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp vốn 100% nước ngoài, các hợp đồng

** Lao động trong ngành chè*

Nguồn lao động trong sản xuất chè: Nguồn lao động phải được xem xét đến mức độ đáp ứng cho sản xuất về số lượng và chất lượng của lao động. Số lượng nguồn lao động là tất cả những người lao động có khả năng tham gia lao động và những người ngoài độ tuổi thực tế có tham gia lao động. Chất lượng nguồn lao động bao gồm trình độ văn hóa, chuyên môn, sức khỏe, ý thức...

d. Cải tiến công nghệ và tổ chức sản xuất của ngành chè địa phương

** Cải tiến công nghệ*

- Về trình độ kỹ thuật và công nghệ, kỹ thuật phục vụ sản xuất, chế biến và kinh doanh chè ngày càng hoàn thiện và phát triển gồm công cụ máy móc, công tác lai tạo giống, các mô hình trình diễn kỹ thuật, bón phân hữu cơ, phun thuốc phòng trừ sâu bệnh bằng thuốc sinh học thân thiện với môi trường...

-Cải tiến công nghệ về kỹ thuật chăm sóc, máy móc thiết bị vào sản xuất để nguyên liệu chè phải đáp ứng về cả số lượng và chất lượng. Quy trình sản xuất và thu hoạch chè phải ngày càng được cải tiến phù hợp với công nghệ chế biến, đẩy mạnh cơ giới hóa trong nông nghiệp, máy móc thay thế dần con người để hạ giá thành, giải quyết tình trạng thiếu lao động diễn ra ngày càng gay gắt.

Theo mô hình hàm sản xuất SS Park (1992) thì phát triển nông nghiệp nói chung và cây chè nói riêng là quá trình chuyển thay đổi hàm sản xuất nhờ tiến bộ công nghệ chứ không phải dựa vào vốn nhờ vậy nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực vào sản phẩm nhiều hơn.

** Hoàn thiện tổ chức sản xuất*

Quá trình chuyển đổi mô hình tổ chức sản xuất cũng sẽ bảo đảm cho nguồn lực được phân bổ và sử dụng trong sản xuất nông nghiệp một cách có hiệu quả và kết quả là năng suất nông nghiệp tăng lên và sản lượng nông nghiệp do đó mà tăng lên. Kinh nghiệm từ mô hình sản xuất nông nghiệp của các nước Tây Âu cho thấy điều đó (Bùi Quang Bình (2006)). Tổ chức sản xuất theo mô hình nào quyết định mức sản lượng đầu ra hay quy mô sản xuất nông nghiệp. Các mô hình phát triển nông nghiệp đặc biệt là mô hình của Todaro (1990) đã chỉ ra rằng quá trình này gắn với quá trình thay đổi tổ chức sản xuất nông nghiệp từ sản xuất tự cấp tự túc của hộ gia đình chuyển dần tới mô hình trang trại chuyên môn hóa cao. Điều này cũng thể hiện qua mô hình phát triển sản xuất nông nghiệp của SS Park (1992) sau này. Các trang trại phát triển sẽ xuất hiện nhu cầu hợp tác với nhau và mô hình HTX và trang trại sẽ được áp dụng.

e. Gia tăng vai trò của ngành chè trong phát triển kinh tế-xã hội của địa phương

- Gia tăng vai trò của ngành chè trong đó gia tăng sản lượng

chè trên một đơn vị diện tích, gia tăng giá trị của ngành và tỷ trọng trong GDP đóng góp cho địa phương.

- Chúng loại sản phẩm chè làm ra ổn định và phong phú, phù hợp với nhu cầu của thị trường. Gia tăng thị trường tiêu thụ sản phẩm chè, thị trường đầu vào cho sản xuất, chế biến và kinh doanh chè chúng tỏ khả năng sản xuất của cây chè tốt hơn và đưa nông nghiệp phát triển cao hơn.

- Hiệu quả sản xuất kinh doanh cây chè thể hiện sự phối hợp các nguồn lực, các yếu tố sản xuất. Nó thể hiện sự lớn mạnh tổng hợp về vốn, lao động, máy móc thiết bị, công nghệ... Nếu các nguồn lực này được tăng cường đầu tư đồng bộ thì hiệu quả sản xuất kinh doanh cây chè càng phát triển.

- Gia tăng vai trò đóng góp cho ngân sách và giải quyết công ăn việc làm cho người lao động.

- Phát triển cây chè thể hiện ở kết quả sản xuất, tức là thể hiện sự tích lũy và nâng cao đời sống của người lao động.

- Đời sống người lao động cải thiện tốt, nghĩa là năng suất lao động cũng tăng, sản phẩm của doanh nghiệp sản xuất ra nhiều, lương của lao động làm chè cũng tăng, chúng tỏ nguồn nhân lực lao động của phát triển chè bền vững, là một trong những nguồn lực đầu vào không kém phần quan trọng để đưa cây chè phát triển.

Thông qua phát triển cây chè thì môi trường sinh thái được cải thiện, chống ô nhiễm môi trường, chống sói mòn...

1.2.2. Tiêu chí phát triển cây chè

Để đánh giá nội dung của phát triển cây chè, có thể sử dụng một số tiêu chí cụ thể sau:

(a) Nhóm tiêu chí phản ánh gia tăng quy mô số lượng tham gia vào phát triển cây chè

(b) Tiêu chí quy mô và cơ cấu diện tích trồng chè

(c) Quy mô và cơ cấu của vốn đầu tư và lao động trong trồng trọt, chế biến và kinh doanh chè của địa phương

(d) Tiêu chí về cải tiến công nghệ và tổ chức sản xuất của ngành chè

(e) Nhóm tiêu chí về gia tăng thu nhập và hiệu quả sx chè

1.3. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN CÂY CHÈ

1.3.1. Nhóm nhân tố về điều kiện tự nhiên

* Điều kiện đất đai

* Điều kiện khí hậu

1.3.2. Nhóm nhân tố về kỹ thuật

* Giống chè

* Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật

1.3.3. Nhóm nhân tố về điều kiện kinh tế xã hội

* Điều kiện hạ tầng cơ sở phục vụ ngành chè

* Hệ thống chính sách vĩ mô của nhà nước

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CÂY CHÈ

TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

2.1. CÁC NHÂN TỐ THUỘC ĐẶC TRƯNG ĐỊA PHƯƠNG CÓ ẢNH HƯỞNG TỚI SỰ PHÁT TRIỂN CÂY CHÈ CỦA TỈNH GIA LAI

Phần này giới thiệu tổng quan về Tỉnh Gia Lai, để làm cơ sở phân tích thực trạng phát triển cây chè trên địa bàn tỉnh. Luận văn phân tích tương đối tỉ mỉ trên một số mặt như điều kiện tự nhiên, điều kiện kỹ thuật và điều kiện kinh tế xã hội của địa phương

2.2. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CÂY CHÈ TỈNH GIA LAI

2.2.1. Thực trạng số lượng các cơ sở trồng trọt, chế biến và kinh doanh chè của tỉnh Gia Lai

Bảng 2.6 : Thực trạng phát triển số lượng cơ sở tham gia sản xuất chè từ năm 2007 đến 2011

STT	Cơ sở sản xuất	Năm				
		2007	2008	2009	2010	2011
1	Nông hộ	1.770	1.795	1.850	1.890	1.900
2	HTX	3	3	3	3	3
3	Trang trại	3	4	6	7	7
4	Doanh nghiệp	3	3	3	3	3

(Nguồn: Sở NN và PTNT tỉnh Gia Lai)

a. Kinh tế nông hộ

Số hộ tham gia sản xuất cây chè của tỉnh Gia Lai là 1.900 hộ (bảng 2.5), số hộ tham gia vào sản xuất chè có xu hướng tăng lên, năm 2011 tăng hơn so với năm 2007 là 7,3 %. Đa số các hộ có quy mô sản xuất nhỏ.

b. Kinh tế trang trại

Toàn tỉnh đã có 7 trang trại sản xuất chè, quy mô đất đai bình quân một trang trại khoảng 10 ha, với 20 lao động, vốn bình quân cho 1 trang trại là 200 triệu đồng. Giá trị sản lượng bình quân là 300 triệu/ trang trại. Số lượng trang trại năm 2011 tăng hơn gấp đôi kể từ năm 2007.

c. Hợp tác xã

Các HTX đang tồn tại chủ yếu là 3 HTX về dịch vụ tưới tiêu cho vùng nguyên liệu chè ở Huyện Chưprông, đa số các hộ nông dân ít vốn, chưa thay đổi tư duy, chưa cùng nhau hợp tác trong sản xuất nên số lượng HTX từ năm 2007 đến năm 2011 không tăng lên.

d) Doanh nghiệp nông nghiệp

Đến nay tỉnh Gia Lai có 3 doanh nghiệp nhà nước là Công ty TNHH MTV chè Biền Hồ, Công ty TNHH MTV chè Bàu và Công ty Cổ phần chè Ayun. Ba doanh nghiệp nhà nước này đều giao khoán đất cho hộ gia đình theo Nghị định 01 của chính phủ, thời hạn giao khoán là 50 năm.

2.2.2. Thực trạng phát triển quy mô và cải thiện cơ cấu diện tích trồng chè của tỉnh Gia Lai

Bảng 2.8: Tỷ trọng diện tích chè kinh doanh và diện tích chè trồng mới so với tổng diện tích chè

STT	Diện tích chè	2007	2008	2009	2010	2011
1	Tổng diện tích chè	1.216	1.168	1.154	1.154	1.154
2	Diện tích chè kinh doanh	1100	1100	1100	1154	1154
3	Diện tích chè trồng mới	116	68	54	-	-
4	Tỷ trọng %					
5	Diện tích chè kinh doanh	90,5	94,2	95,3	100	100
6	Diện tích chè trồng mới	9,5	5,8	4,7	0,0	0,0

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Gia Lai

Qua bảng 2.8 Công tác trồng mới từ giảm theo các năm, và đến năm 2010 thì không trồng mới nữa, diện tích chè trồng mới thời kỳ kiến thiết cơ bản từ năm 2007 đến năm 2011 trở thành diện tích chè kinh doanh.

2.2.3. Thực trạng phát triển quy mô và cải thiện cơ cấu vốn đầu tư và lao động trong trồng trọt, chế biến và kinh doanh chè của tỉnh Gia Lai

Phần này đi vào xem xét thực trạng vốn đầu tư và tình hình lao động cho cây chè trong thời kỳ nghiên cứu. chú ý làm đậm nét sự

tăng quy mô vốn và lao động của hộ sản xuất chè.

a. Tình hình vốn đầu tư

Vốn đầu tư cho ngành chè tập trung chủ yếu ở 3 doanh nghiệp Nhà nước chiếm 70 % và 30% vốn của HTX và các hộ nông dân sản xuất chè của địa phương.

b. Tình hình lao động

Trong nhân tố thuộc về nguồn nhân lực bao gồm hai khía cạnh số lượng và trình độ của lao động. Cả hai mặt này đều ảnh hưởng tới sự phát triển cây chè

Tỷ lệ tăng trưởng vốn hàng năm từ năm 2007 là 60 triệu đồng/hộ lên 70 triệu đồng/ hộ năm 2011, số lượng lao động/hộ tăng từ 1,5 người/ hộ năm 2007 và đến 2011 là 2,96 người/hộ. Theo số liệu này thì lượng lao động hoạt động trong sản xuất chè là nhiều và khả năng thiếu việc làm do dư thừa lao động.

Theo số liệu từ Sở NN và PTNT tỉnh Gia Lai thì từ năm 2007 số lượng lao động tham gia vào sản xuất chè là : 1.970 hộ, đến năm 2011 tăng lên là 2.500 hộ, tăng lên 115%

2.2.4. Thực trạng cải tiến công nghệ và tổ chức sản xuất cây chè trên địa bàn tỉnh Gia Lai

a. Thực trạng cải tiến công nghệ

** Về kỹ thuật thâm canh*

Hiện nay còn một số hộ nông dân sản xuất chè sử dụng phân bón không cân đối, lạm dụng quá nhiều thuốc bảo vệ thực vật, phun thuốc trừ sâu không theo định kỳ và không cách ly đúng thời gian quy định.

** Thực trạng phát triển về giống*

Trong những năm qua tỉnh Gia Lai đã chú trọng về giống chè, giống chè trung du được trồng bằng hạt vẫn chiếm phần lớn,

** Thực trạng chế biến sản phẩm*

Hiện nay toàn Tỉnh có 3 doanh nghiệp và hàng chục danh trà hoạt động chế biến và kinh doanh chè, phân bố không gian các nhà máy chế biến không cân đối với vùng nguyên liệu. Chủ yếu tập trung ở 3 huyện là Chưpăh, Chưprông và Mang Yang. Vùng nguyên liệu chè Bàu Cạn chiếm gần 60 % diện tích và sản lượng cả tỉnh nhưng năng lực chế biến chỉ 30-35 tấn chè búp tươi/ngày.

b. Tình hình cải tiến tổ chức sản xuất

Theo Nghị định 01/CP ngày 04//01/1995, đất đai được giao khoán cho các hộ nông dân, các hợp tác xã, các doanh nghiệp, thời gian giao khoán là 50 năm.

Từ năm 2006, được sự giúp đỡ của tổ chức CECI (Canada). Tỉnh đã thành lập được 3 HTX chè với 150 xã viên duy trì hoạt động, tuy nhiên quy mô HTX còn nhỏ lẻ, manh mún chưa đáp ứng yêu cầu thực tế của địa phương cũng như chưa xứng tầm với vùng chè.

Số trang trại không nhiều chưa thể hiện được vai trò lớn trong phát triển cây chè. Giữa hộ gia đình, các trang trại và các doanh nghiệp vẫn chưa có mối liên kết trong sản xuất kinh doanh.

2.2.5. Gia tăng vai trò của ngành chè trong phát triển kinh tế-xã hội của địa phương

Kết quả điều tra của Sở NN & PTNT tỉnh Gia Lai về chi phí sản xuất và phân tích hiệu quả kinh tế của cây chè được trình bày như sau:

Tổng chi phí bình quân 1 năm khi cây chè trong giai đoạn sản xuất kinh doanh là: 15.400.000 đồng/ha; trong đó, chi phí nguyên vật liệu, phân bón, thuốc trừ sâu... là: 8.150.000 đồng/ha (chiếm 52,9%), chi phí nhân công: 7.000.000 đồng (chiếm 45,45%), khấu hao tài sản cố định: 250.000 đồng/ha.

Hiệu quả kinh tế: giá thành bình quân 1 kg chè khô là 35.000 đồng/kg. Tổng giá trị sản phẩm: 42.000.000 đồng/ha và thu nhập của

1 ha chè (*đã trừ chi phí*) bình quân là: 26.600.000 đồng/ha. Tỷ suất lợi nhuận 272,7%.

Như vậy hiệu quả kinh tế của cây chè là cao và đây là cây trồng có khả năng làm tạo ra hiệu quả về mặt kinh tế cho người tham gia sản xuất

Hiệu quả về mặt xã hội

Phát triển cây chè trên địa bàn tỉnh Gia Lai thời gian qua đã góp phần quan trọng phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phân công lại lực lượng lao động trên địa bàn tỉnh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, góp phần cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, giải quyết được lượng lớn lao động, xóa đói giảm nghèo, tăng thu nhập cho người lao động, đặc biệt là lao động nông thôn, nhất là nông thôn vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc ít người.

Hiệu quả về môi trường sinh thái

Phong trào phát triển kinh tế vườn đồi, đặc biệt là cây chè đã gắn với mục tiêu chiến lược của Nhà nước về phủ xanh đất trống đồi núi trọc. Các loại cây chè không chỉ là cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao mà còn có tác dụng phòng hộ, trồng sỏi mòn, và cải tạo môi trường sinh thái. Từ phát triển kinh tế đến nay, các vùng nguyên liệu chè của tỉnh đã trở thành một vùng quê có không khí trong lành, xanh tươi mát mẻ.

2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG

2.3.1. Kết quả đạt được

Nhận thức của người trồng chè đã được nâng lên, năng suất chất lượng chè được cải thiện, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn, nâng cao thu nhập và làm giàu chính đáng

cho hơn 2500 hộ dân làm chè.

2.3.2. Những hạn chế và nguyên nhân

Nông sản Việt Nam đang đứng trên nhiều thách thức, trong đó có cây chè, sản xuất chè ở Gia Lai còn lạc hậu, năng suất thấp, sản phẩm còn kém chất lượng, chi phí cao nhất là về chế biến. Ruộng đất còn manh mún, kỹ thuật canh tác còn lạc hậu, bỏ trống thị trường trong nước. Trong sản xuất nông nghiệp chưa áp dụng được công nghệ cao, nên chưa tạo ra được sức cạnh tranh lớn cho các doanh nghiệp xuất khẩu. Mô hình tổ chức quản lý kinh doanh theo hướng thị trường, cũng như thông tin về thị trường hầu như rất hiếm hoi.

Quy hoạch vùng chè chưa cụ thể, rõ ràng, từ công tác giống và các biện pháp kỹ thuật đến việc cơ giới hoá, đa dạng hoá sản phẩm.

Công nghệ sản xuất (canh tác, chế biến, bao gói...) còn lạc hậu, sản phẩm đơn điệu, không phong phú đa dạng về chủng loại, thêm vào đó công đoạn chế biến để tạo ra các sản phẩm đảm bảo chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm chưa được chú trọng.

Nguyên nhân của những yếu kém trên đây là do sự quản lý kém, giống chè bị thoái hoá, thiếu các giống chè có năng suất chất lượng cao, chất lượng chè búp không phù hợp với công nghệ chế biến, thiết bị nhiều nhà máy lạc hậu, không đồng bộ, quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm kém, phun thuốc sâu, chăm sóc, không đúng yêu cầu kỹ thuật, thiếu vốn đầu tư thâm canh, phát triển vườn chè mới cải tạo, xây dựng mới nhà máy chế biến

Chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa Nhà nước, các doanh nghiệp chế biến tiêu thụ và người làm chè.

Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn của tỉnh còn chậm, thiếu các chính sách biện pháp nhằm thúc đẩy công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến và ngành nghề, dịch vụ nông thôn phát triển nhằm tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CÂY CHÈ

TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

3.1. MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CÂY CHÈ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

3.1.1. Mục tiêu phát triển

Với những mục tiêu đã được thủ tướng chính phủ, UBND tỉnh Gia Lai phê duyệt thỏa đáng với căn cứ vào thị trường và tình hình thực tế của địa phương và cũng phù hợp với nghiên cứu của đề tài.

3.1.2. Định hướng chung

3.1.3. Định hướng của giải pháp

3.2. CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CÂY CHÈ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI TRONG THỜI GIAN TỚI

3.2.1 Phát triển các cơ sở sản xuất, chế biến và kinh doanh chè của tỉnh Gia Lai

a. Củng cố và nâng cao năng lực kinh tế hộ

- Khi có dự án về phát triển cây chè thì ưu tiên người lao động, đặc biệt là đồng bào dân tộc, được sử dụng giá trị quyền sử dụng đất để góp vốn cổ phần, liên doanh liên kết

- Nâng cao dân trí, thay đổi tập quán sản xuất tiến bộ cho các hộ đồng bào dân tộc vùng chè.

- Khuyến khích các hộ gia đình đổi mới tư duy, tích tích lũy vốn, kinh nghiệm, tích tụ đất đai, phát triển kinh tế trang trại.

- Tăng cường cung cấp tín dụng, cung cấp các dịch vụ kỹ thuật-khuyến nông cho hộ làm chè.

- Kết hợp sản xuất với chế biến, bảo quản, vận chuyển sản phẩm để có được sức cạnh tranh trên thị trường.

b. Phát triển Hợp tác xã

- Phát triển các hợp tác xã theo nguyên tắc tự nguyện và cùng có lợi, xuất phát từ nhu cầu của người làm chè, phù hợp với trình độ phát triển của vùng chè.

- Đa dạng hóa hình thức sở hữu trong kinh tế tập thể, Phát triển các loại hình doanh nghiệp trong HTX và các hình thức liên kết HTX.

- Khuyến khích huy động cổ phần và nguồn vốn của xã viên để không ngừng tăng thêm vốn đầu tư phát triển chè.

c. Phát triển kinh tế trang trại

- Thực hiện quy hoạch chi tiết sản xuất

- Xác định tư cách pháp nhân cho các trang trại

- Miễn giảm thuế cho các trang trại trong giai đoạn sản xuất kinh doanh chưa đi vào ổn định.

- Tăng cường liên kết kinh tế, thành lập các hội để trao đổi kinh nghiệm về ứng dụng khoa học kỹ thuật, quản lý, thông tin thị trường...

d. Phát triển các doanh nghiệp nông nghiệp

Cần khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh mở rộng quy mô sản xuất, đầu tư đổi mới dây chuyền công nghệ, trang thiết bị, giống mới để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

3.2.2. Phát triển quy mô và diện tích trồng chè

Quy hoạch vùng chè tập trung cao sản

Quy hoạch vùng chè đặc sản

3.2.3. Giải pháp về vốn đầu tư và lao động trong sản xuất, chế biến và kinh doanh chè

a. Giải quyết vấn đề vốn

Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vào hạ tầng và cơ sở chế biến chè

- Cần có chính sách ưu đãi đối với các cá nhân và tổ chức đầu tư vào lĩnh vực này, có mức thuế suất thấp, miễn hoặc giảm thuế thời gian đầu, tín dụng lãi suất thấp và dài hạn...

- Tạo môi trường đầu tư thuận lợi, hệ thống pháp luật đầy đủ.
- Tạo vốn đầu tư thông qua vay, tín dụng

b. Nâng cao trình độ người sản xuất

Trình độ người sản xuất đặc biệt quan trọng, kiến thức giúp họ tiếp cận thông tin, kiến thức về kỹ thuật sản xuất chè

- Hỗ trợ cho phát triển số lượng lao động trong ngành
- Thu hút lao động từ các nơi khác có kỹ thuật tay nghề cao phục vụ cho việc phát triển cây chè tốt hơn
- Đào tạo lao động tại Gia Lai hoặc gửi đi đào tạo học tập tại những nơi có điều kiện phát triển về cây chè.

-Tạo điều kiện về văn hóa, y tế, giáo dục vùng làm chè. Tạo cho người lao động có sức khỏe, trí lực tốt phục vụ cho phát triển cây chè được tốt hơn.

3.2.4. Giải pháp về công nghệ và hoàn thiện tổ chức sản xuất

a. Giải pháp phát triển về giống, khoa học công nghệ và nâng cao kỹ thuật trồng trọt

Phát triển các mô hình canh tác chè tiên tiến tạo sản phẩm chè an toàn chất lượng cao gắn liền với bảo vệ môi trường sinh thái.

Ứng dụng khoa học công nghệ sinh học vào sản xuất giống chè chất lượng cao, giá thành hạ, phù hợp với nhu cầu thị trường.

Hạn chế tối đa dư lượng thuốc BVTV, phát triển công nghệ sau thu hoạch, công nghệ thiết bị bảo quản, đóng gói.

b. Giải pháp về CB và kiểm tra chất lượng sản phẩm

Quy hoạch số lượng và công suất các cơ sở chế biến chè phù hợp với vùng nguyên liệu theo hướng tránh lãng phí nguồn lực và thiếu hụt nguyên liệu do dư thừa công suất

c. Hoàn thiện tổ chức sản xuất cây chè

Với những yếu kém về tình hình tổ chức sản xuất của cây chè trên địa bàn tỉnh Gia Lai hiện nay đang đặt ra tính cấp thiết của vấn đề. Hoàn thiện tổ chức sản xuất cây chè sẽ bảo đảm cho phát triển cây chè thành công.

Cần phải khuyến khích tiến hành tổ chức liên kết các trang trại và hộ gia đình lại.

Mô hình trang trại cần chú trọng phát huy và tập trung vào mô hình chuyên canh. Cần phấn đấu mở rộng quy mô và nâng cao trình độ thâm canh.

- Đẩy nhanh áp dụng mô hình 4 nhà là “ nhà khoa học – nhà nông - nhà doanh nghiệp- Nhà nước” .

- Mô hình liên kết giữa doanh nghiệp, trang trại, HTX, ngân hàng và các hộ trồng, chế biến và kinh doanh chè

3.2.5. Các giải pháp khác

a. Hoàn thiện chính sách

b. Hoàn thiện cơ sở hạ tầng

c. Hoàn thiện chính sách Marketing

**** Tiêu thụ sản phẩm***

Gắn sản xuất với chế biến tiêu thụ nông sản hàng hoá để phát triển sản xuất ổn định và bền vững. Nhà nước khuyến khích các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế ký kết hợp đồng tiêu thụ nông sản hàng với người sản xuất (hợp tác xã, hộ nông dân, trang trại, đại diện hộ nông dân...)

**** Phát triển thương hiệu***

Tinh cần quan tâm đầu tư, đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, giới thiệu các tiềm năng, lợi thế đầu tư, quảng bá sản phẩm, tiếp cận thị trường, tiếp cận và trao đổi kinh nghiệm sản xuất, chế biến, chất lượng và nhu cầu thị trường.

- Quảng bá thương hiệu chè Gia Lai bằng hình ảnh sản xuất an toàn theo tiêu chuẩn ISO, VIETGAP

- Tiêu thụ các sản phẩm chè Gia Lai tại các siêu thị.
- Hình thành các cửa hàng giới thiệu và bán sản phẩm.

3.3. KIẾN NGHỊ

3.3.1. Về phía Nhà nước

- Hoàn thiện chính sách giao đất
- Hoàn thiện chính sách đầu tư xây dựng cơ bản.
- Hoàn thiện chính sách về vốn đầu tư.
- Hoàn thiện chính sách thuế.
- Thị trường xuất khẩu.
- Tạo hành lang pháp lý khuyến khích tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế tham gia phát triển cây chè, tạo việc làm ở nông thôn.

- Phát triển nghiên cứu chuyển giao công nghệ, nghiên cứu và tổ chức công tác thông tin thị trường.

- Hướng dẫn thực hiện chức năng quản lý an toàn chất lượng sản phẩm. Tổ chức hướng dẫn nông dân sản xuất theo yêu cầu của thị trường. Tổ chức tiêu thụ sản phẩm cho nông dân.

3.3.2. Về phía doanh nghiệp.

- *Tổ chức tốt mạng lưới thông tin marketing của doanh nghiệp*
- *Xây dựng thương hiệu cho sản phẩm xuất khẩu*
- *Xây dựng văn hoá trong kinh doanh xuất khẩu của doanh nghiệp*

3.3.3. Về phía người dân

- Từng bước xác định và thay thế dần các giống chè đã thoái hoá bằng các giống chè mới phù hợp với chất đất và khí hậu của địa phương theo đúng yêu cầu của từng thị trường.

- Cải tạo đất theo hướng tăng độ mùn, độ xốp, sử dụng phân bón hữu cơ tổng hợp.

- Áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào quá trình chăm sóc cây chè. Có qui định về kiểm dịch thuốc bảo vệ thực vật và dư lượng hoá chất bị cấm sử dụng trên cây chè Việt Nam.

KẾT LUẬN

Qua sự phân tích đánh giá thực trạng phát triển cây chè tỉnh Gia Lai từ năm 2007 đến năm 2011. Ta nhận thấy rằng đây là một trong những cây trồng có nhiều thuận lợi về điều kiện tự nhiên, khí hậu, đất đai, truyền thống trồng và chế biến, cũng như thị trường tiêu thụ. Nhưng chúng ta chưa thật sự chú trọng đến việc phát triển cây chè, phát triển sản xuất chế biến, nên chúng ta đang đánh mất đi những lợi ích do cây chè mang lại. Do vậy đề tài này phân tích thực trạng của phát triển cây chè, từ đó đề xuất ra các giải pháp để phát triển cây chè trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Tạo được lợi thế trong nông nghiệp cũng như trong công nghiệp chế biến xuất khẩu.

Trong xu thế hội nhập, cây chè Gia Lai đang đứng trước những thách thức có tính cạnh tranh trong sản xuất và xuất khẩu, năng suất, sản lượng còn thấp; chất lượng sản phẩm, tính đa dạng của sản phẩm chưa cao; chưa tạo lập được thị trường ổn định và các bạn hàng lớn; giá xuất khẩu chưa cao và không ổn định...

Sau quá trình nghiên cứu tài liệu, tư liệu, thu thập số liệu, phân tích xử lý số liệu, luận văn đã tập trung giải quyết được những vấn đề sau:

- Tổng quan được những vấn đề cơ bản về phát triển cây chè trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Luận văn đã hệ thống hóa một cách chọn lọc cơ sở lý luận về nguồn gốc, vai trò, ý nghĩa và nội dung của việc phát triển cây chè đối với địa phương.

- Phân tích và đánh giá được một cách xác đáng thực trạng phát triển cây chè trên địa bàn tỉnh Gia Lai thông qua những phân tích đánh giá về số lượng, chất lượng, cơ cấu của ngành. Việc nâng cao chất lượng, giống, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm, đẩy mạnh xuất khẩu, tăng tiêu dùng trong nước, khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia vào phát triển cây chè... được đánh giá và đặt ra như là một trong những vấn đề cần giải quyết trong thời gian tới để khắc phục những tồn tại trong việc phát triển cây chè hiện nay.

- Đã đề xuất được các giải pháp đẩy mạnh phát triển cây chè trên cơ sở phân tích một cách khoa học các căn cứ và mục tiêu phát triển cây chè trong thời gian tới. Luận văn cũng đã kiến nghị đối với Nhà nước, các doanh nghiệp và người lao động để tạo điều kiện triển khai được hệ thống các giải pháp nói trên.